# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**HỒ SƠ SẢN PHẨM**

**ĐỀ TÀI: NGHIÊN CỨU ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KHỐI KIẾN THỨC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**TIẾP CẬN CDIO**

**HỌC PHẦN:** **KỸ NĂNG VIẾT VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN**

**Chủ nhiệm đề tài: TS. HỒ THỊ DIỆU ÁNH**

**Đơn vị:** KHOA KINH TẾ

**Các thành viên tham gia:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa | Thành viên chính |
|  | ThS. Nguyễn Thị Kim Thu | Thành viên |
|  | ThS. Phan Duy Tùng | Thành viên |

**NGHỆ AN, THÁNG 1/2019**

HỒ SƠ GỒM:

SP1: Báo cáo phân tích CĐR môn học và CĐR CTĐT

SP2: Đề cương chi tiết học phần

SP3: Slide tóm tắt bài giảng học phần

SP4: Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần

SP5: Hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: 1. Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử; 2. Kỹ thuật Điện tử viễn thông; 3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; 4. Kỹ thuật xây dựng; 5. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; 6. Kỹ thuật công trình thủy; 7. Công nghệ thực phẩm; 8. Công nghệ kỹ thuật hóa học; 9. Công nghệ thông tin

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR MÔN HỌC VỚI CĐR CTĐT**

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN

**1.** **Mô tả môn học**

Vị trí của học phần trong Chương trình Đào tạo (CTĐT), học phần này được dạy ở học kỳ thứ 04 thuộc khối Giáo dục Đại cương dành cho các sinh viên thuộc khối ngành Kỹ thuật-Công nghệ bao gồm các ngành: 1. Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử; 2. Kỹ thuật Điện tử truyền thông (nay là Điện tử viễn thông); 3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; 4. Kỹ thuật xây dựng; 5. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; 6. Kỹ thuật công trình thủy; 7. Công nghệ thực phẩm; 8. Công nghệ kỹ thuật hóa học; 9. Công nghệ thông tin.

Học phần cung cấp sinh viên khả năng tư duy sáng tạo thông qua phân tích và trình bày các quan điểm một cách hiệu quả. Nội dung chính của môn học được xây dựng nhằm khắc phục 07 hạn chế cơ bản trong giáo dục kỹ thuật theo Goldbergs bao gồm: 1. Kỹ năng đặt câu hỏi; 2. Cách đặt tên; 3. Mô hình hóa; 4. Đơn giản hóa vấn đế thiết kế phức tạp; 5. Thu thập dữ liệu; 6. Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng và 7. Kỹ năng giao tiếp: viết và nói. Đề xuất ý tưởng/bảo vệ/xác nhận/kết luận vấn đề cũng là những kỹ năng về tư duy phản biện mà sinh viên được học thông qua việc phân tích một vài bài viết. Sinh viên sẽ được đánh giá các quan điểm của người khác và đưa ra quan điểm riêng, đưa ra các luận cứ để quan điểm trở nên thuyết phục và truyền tải các quan điểm này một cách hiệu quả trong đánh giá và giải quyết vấn đề dưới dạng một bài báo khoa học.

Chi tiết về mức độ giảng dạy I, T, U của học phần và mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo được biểu thị trong Bảng 1 và Bảng 2 sau đây.

**Bảng 1:** Bảng mô tả các chủ đề CĐR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần của khối kiến thức, chỉ rõ trình độ năng lực sinh viên cần đạt mà học phần phải đáp ứng, cùng với mức độ giảng dạy ITU

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên HP**  **Kỹ năng viết và tư duy phản biện** | **Các chuẩn đầu ra cấp độ 3 CTĐT phân nhiệm cho học phần** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1.1.1** | **1.2.4** | **2.1.1** | **2.1.4** | **2.2.2** | **2.2.4** | **2.4.3** | **2.4.4** | **3.1.1** | **3.1.2** | **3.1.5** | **3.2.1** | **3.2.2** | **3.2.3** | **3.2.4** | **3.2.4** | **4.1.1** | **4.1.2** | **4.1.3** |
| Trình độ năng lực | 2.5 | 2.5 | 2.5 | 2.5 | 2.5 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| Mức độ giảng dạy ITU | I | I | I | I,T | I,T | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U | T,U |

**Bảng 2.** Bảng mô tả danh mục các CĐR môn học đáp ứng CĐR CTĐT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chuẩn đầu ra môn học** | | **Trình độ năng lực** | **CĐR CTĐT tương ứng** |
| **Ký hiệu** | **Nội dung CĐR môn học** |
| G1.1 | ***Giải thích*** nguyên lý và tầm quan trọng của tư duy phản biện và giao tiếp hiệu quả | 2.5 | 1.1.1,2.1.1 |
| G1.2 | ***Hiểu biết*** tầm quan trọng của nghiên cứu và trích dẫn trong khoa học kỹ thuật | 2.5 | 2.1.1,2.2.2 |
| G1.3 | ***Phân biệt*** trích dẫn, diễn giải và tóm tắt khi trích dẫn các công trình của người khác | 2.5 | 2.1.1,2.2.2 |
| G2.1 | ***Đánh giá*** độ tin cậy của các nguồn thông tin | 2.5 | 2.2.2 |
| G2.2 | ***Nhận diện*** các sai lầm thường gặp trong viết và tư duy | 2.5 | 2.1.1;2.1.4 |
| G2.3 | ***Phân tích*** văn bản nhằm xác định vấn đề | 3.0 | 2.1.1,2.1.2, 3.1.2,3.2.1 |
| G2.4 | ***Có khả năng*** tóm tắt và đánh giá các báo cáo sử dụng các từ khóa | 3.0 | 2.2.2,2.2.4,3.1.2,3.1.5,  3.2.1 |
| G3.1 | ***Có khả năng*** trình bày hiệu quả sử dụng đồ họa | 3.0 | 1.2.4,3.1.5 |
| G3.2 | ***Có khả năng*** viết rõ ràng, dễ hiểu | 3.0 | 2.4.3,2.4.4,3.1.1,3.2.3 |
| G3.3 | ***Áp dụng*** các kỹ thuật như diễn giải, tóm tắt và các động từ báo cáo để trình bày | 3.0 | 2.4.3,2.4.4,3.2.4 |
| G4.1 | ***Có khả năng*** đặt câu hỏi thể hiện tư duy phản biện | 3.0 | 2.1.4, 4.1.1, 4.1.2 ,4.1.3 |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **…….o0o…….** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - tự do - hạnh phúc**  **……………o0o…………….** |

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

**Ngành đào tạo:**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**HỌC PHẦN: Kỹ năng viết và tư duy phản biện**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Hoa**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Viện Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0933571177, ntqhoa@vinhuni.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ Nano, vật liệu

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thu**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Viện Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Vinh

Điện thoại, email: thuntk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Thông tin vô tuyến

**Giảng viên 3: Phan Duy Tùng**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Viện Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Vinh

Điện thoại, email: tungduyphan@vinhuni.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Siêu cao tần và anten

***1.2. Thông tin về môn học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **KỸ NĂNG VIẾT VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN**(tiếng Anh): Critical Thinking and Writing | | | |
| - Mã số môn học: | | - Loại môn học: Bắt buộc | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  x  Kiến thức chuyên ngành  Môn học chuyên về kỹ năng chung | | | Kiến thức khác  Môn học đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: | 03 | | |
| + Số tiết lý thuyết: | 20 | | |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 5 | | |
| + Số tiết làm dự án: | 15 | | |
| + Số tiết hoạt động nhóm: | 5 | | |
| + Số tiết tự học: | 90 | | |
| - Môn học tiên quyết: |  | | |
| - Môn học song hành: |  | | |

**2. Mô tả môn học**

Học phần cung cấp sinh viên khả năng tư duy sáng tạo thông qua phân tích và trình bày các quan điểm một cách hiệu quả. Nhấn mạnh 7 hạn chế cơ bản trong giáo dục kỹ thuật theo Goldbergs (1. Kỹ năng đặt câu hỏi; 2. Cách đặt tên; 3. Mô hình hóa; 4. Đơn giản hóa vấn đế thiết kế phức tạp; 5. Thu thập dữ liệu; 6. Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng; 7. Kỹ năng giao tiếp: viết và nói). Đề xuất ý tưởng/ bảo vệ/ xác nhận/ kết luận vấn đề cũng là những kỹ năng về tư duy phản biện mà sinh viên được học thông qua việc phân tích một vài bài viết. Sinh viên sẽ được đánh giá các quan điểm của người khác và đưa ra quan điểm riêng, và đưa ra các luận cứ để các quan điểm này trở nên thuyết phục và truyền tải các quan điểm này một cách hiệu quả trong đánh giá và giải quyết vấn đề dưới dạng một bài báo khoa học.

**3. Mục tiêu môn học** *(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR (X.x.x.) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bố cho môn học, tối đa 8 mục tiêu)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx) (1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| **G1** | **Hiểu** rõ bảy hạn chế cơ bản trong giáo dục kỹ thuật theo Goldbergs và tầm quan trọng của tư duy phản biện và kỹ năng viết đối với một kỹ sư | 1.1.1,2.1.1 | 2.5 |
| **G2** | **Áp dụng** các kiến thức về tư duy phản biện và kỹ năng viết để đề xuất ý tưởng, trình bày quan điểm và truyền tải quan điểm này một cách có hiệu quả | 2.4.3,2.4.4,3.2.4 | 3.0 |
| **G3** | **Có kỹ năng** hình thành và phát triển nhóm, xây dựng chiến lược và cấu trúc giao tiếp, thực hiện được các phương pháp thuyết trình. | 1.2.4,3.1.5  2.2.2,2.2.4,2.4.3,2.4.4,3.1.1,3.1.2,3.1.5, 3.2.1, 3.2.3,3.2.4 | 3.0 |
| **G4** | **Có khả năng** tư duy phản biện thông qua kỹ thuật bằng việc tiếp cận và giải quyết vấn đề, thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau | 2.1.1,2.1.4,2.2.2  2.2.4,3.1.2,3.1.5,  3.2.1,4.1.1,4.1.2 | 3.0 |

1. **Chuẩn đầu ra học phần và mức độ giảng dạy đáp ứng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chuẩn đầu ra môn học** | | **Trình độ năng lực** | **CĐR CTĐT tương ứng** |
| **Ký hiệu** | **Nội dung CĐR môn học** |
| G1.1 | ***Giải thích*** nguyên lý và tầm quan trọng của tư duy phản biện và giao tiếp hiệu quả | 2.5 | 1.1.1,2.1.1 |
| G1.2 | ***Hiểu biết*** tầm quan trọng của nghiên cứu và trích dẫn trong khoa học kỹ thuật | 2.5 | 2.1.1,2.2.2 |
| G1.3 | ***Phân biệt*** trích dẫn, diễn giải và tóm tắt khi trích dẫn các công trình của người khác | 2.5 | 2.1.1,2.2.2 |
| G2.1 | ***Đánh giá*** độ tin cậy của các nguồn thông tin | 2.5 | 2.2.2 |
| G2.2 | ***Nhận diện*** các sai lầm thường gặp trong viết và tư duy | 2.5 | 2.1.1;2.1.4 |
| G2.3 | ***Phân tích*** văn bản nhằm xác định vấn đề | 3.0 | 2.1.1,2.1.2, 3.1.2,3.2.1 |
| G2.4 | ***Có khả năng*** tóm tắt và đánh giá các báo cáo sử dụng các từ khóa | 3.0 | 2.2.2,2.2.4,3.1.2,3.1.5,  3.2.1 |
| G3.1 | ***Có khả năng*** trình bày một cách hiệu quả, có sử dụng đồ họa | 3.0 | 1.2.4,3.1.5 |
| G3.2 | ***Có khả năng*** viết rõ ràng, dễ hiểu | 3.0 | 2.4.3,2.4.4,3.1.1,3.2.3 |
| G3.3 | ***Áp dụng*** các kỹ thuật như diễn giải, tóm tắt và các động từ báo cáo để trình bày | 3.0 | 2.4.3,2.4.4,3.2.4 |
| G4.1 | ***Có khả năng*** đặt câu hỏi thể hiện tư duy phản biện | 3.0 | 2.1.4,4.1.1,4.1.2 |

**5. Đánh giá môn học** *(các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR môn học (Gx.x) (3)** | **Tỷ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **30%** |
| ***A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập*** | | | ***10%*** |
| Sự chuyên cần | A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân) | G1-G4 | 05% |
| Thái độ học tập | A1.1.2. Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp | G1-G4 | 05% |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần*** | | | ***20%*** |
|  | A1.2.1. Tham gia thảo luận, làm các bài tập tình huống (theo cá nhân hoặc nhóm) đã được giao ở các tuần học | G1.3; G2.1; G2.2;G2.4; G3.1; G3.2; G3.3 | **10%** |
| A1.2.2. Bài thu hoạch của nhiệm vụ nhóm được giao | G3.1; G3.2; G3.3 | **10%** |
| **A2. Đánh giá giữa kì (\*)** | | | **20%** |
|  | A1.3.1. Bài kiểm tra trắc nghiệm | G1.1; G1.2; G1.3; G2.1;  G2.2; G2.3 |  |
| **A3. Đồ án** | | | **50%** |
|  | **Thực hiện đồ án/project** | G1 – G4 | 50% |

**6. Nội dung giảng d**ạ**y**

***Lý thuyết***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **(1)** | **CĐR môn học (2)** | **Bài đánh giá (3)** |
| **Chương 1. Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện**  1.1 Tư duy phản biện là gì  1.2 Các đặc điểm trí tuệ  1.3 Bảy sai lầm cơ bản trong đào tạo kỹ sư  1.4. Thảo luận | G1.1.  G2.2 | A1.1  A1.2  A2  A3 |
| **Chương 2. Nghiên cứu và trích dẫn**  2.1. Tại sao nghiên cứu là cần thiết trong cộng đồng học thuật  2.2. Đạo văn  2.3. Trích dẫn nguồn  2.4. Độ tin cậy của nguồn  2.5. Trích dẫn theo phong cách APA và IEEE  2.6. Thảo luận | G1.2  G1.3  G2.1 | A1.1  A1.2  A2  A3 |
| **Chương 3.** **Cấu trúc lập luận và tìm hiểu luận chứng**  3.1. Ngụy biện là gì?  3.2. Các lỗi ngụy biện  3.3. Các thuật ngữ chính trong lập luận  3.4. Chủ đề  3.5. Tuyên bố/xác nhận  3.6. Các bước thực hành đọc | G1.1  G2.2  G4.1 | A1.1  A1.2  A2  A3 |
| **Chương 4. Ngôn ngữ trong viết luận**  4.1 Kỹ năng viết logic/thuyết phục/có tính phản biện  4.2 Bài viết mô tả  4.3 Sự khác nhau giữa bài viết mô tả và bài viết phân tích logic  4.4. Viết luận văn/đồ án/project  4.5 Bài tập | G1.1; G1.2  G1.3; G2.1  G2.2; G2.3  G2.4; G3.1  G3.2; G3.3  G4.1 | A1.1  A1.2  A2  A3 |
| **Chapter 5. Các vấn đề kỹ thuật và giải pháp**  5.1. Thách thức đối với người kỹ sư  5.2. Tiếp cận vấn đề và giải pháp  5.3. Tư duy phản biện trong giải quyết vấn đề  5.4. Thảo luận | G1.1; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3; G4.1 | A1.1  A1.2  A3 |

**7. Kế hoạch giảng dạy** các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá học phần)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi học**  **(1)** | **Nội dung (2)** | **Hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Chuẩn bị**  **của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| **1 (2 tiết)** | **Chương 1. Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện**  1.1 Tư duy phản biện là gì  1.2 Các đặc điểm trí tuệ | Sử dụng các hình thức dạy sau:  - Phát vấn: Giảng viên (GV) cho SV đọc, suy nghĩ và trình bày hiểu biết của mình khi đọc một số phát biểu hoặc nhận định của những nhà khoa học về tư duy phản biện  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide | - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.  - Vở ghi chép cá nhân  - Vở bài tập nhóm và sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng  - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên  - Sinh viên đọc trước các nội dung ở tài liệu tham khảo | G1.1.  G2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **2 (2 tiết)** | **Chương 1. Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện**  1.3. Bảy sai lầm cơ bản trong đào tạo kỹ sư  1.4. Thảo luận và Bài tập | - Phát vấn: GV đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về những hạn chế của đào tạo kỹ sư.  - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Điển cứu: đưa ra một số tình huống hoặc ví dụ điển hình trên thực tế về các nội dung của chương. | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1.  G2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **3 (2 tiết)** | **Chương 1. Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện**  1.4. Thảo luận và bài tập | - Sinh viên thực hiện các chủ đề thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên |  | G1.1.  G1.3  G2.1 | A1.1  A1.2  A1.3.  A2 |
| **4 (2 tiết)** | **Chương 2. Nghiên cứu và trích dẫn**  2.1. Tại sao nghiên cứu là cần thiết trong cộng đồng học thuật  2.2. Đạo văn  2.3. Trích dẫn nguồn | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Tranh luận tại sao nghiên cứu là cần thiết trong cộng đồng học thuật  - Phân tích một văn bản để xác định thế nào là hành vi đạo văn  - Trả lời lý do tại sao cần phải trích dẫn nguồn | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.2  G1.3  G2.1 | A1.1  A1.2  A1.3.  A2 |
| **5 (2 tiết)** | **Chương 2. Nghiên cứu và trích dẫn**  2.4. Độ tin cậy của nguồn  2.5. Trích dẫn theo phong cách APA và IEEE  2.6. Thảo luận | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Xác định độ tin cậy của nguồn thông tin  - Viết một văn bản và trích dẫn theo IEEE  - Tranh luận | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.2  G1.3  G2.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **6 (2 tiết)** | **Chương 3. Cấu trúc lập luận và tìm hiểu luận chứng**  3.1. Ngụy biện là gì?  3.2. Các lỗi ngụy biện  3.3. Các thuật ngữ chính trong lập luận | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Tranh luận về lỗi ngụy biện thông qua văn bản, phát biểu  - Phân tích hướng dẫn về các ngôn ngữ trong lập luận | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1.  G2.2  G4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **7 (2 tiết)** | **Chương 3. Cấu trúc lập luận và tìm hiểu luận chứng**  3.4. Chủ đề  3.5. Tuyên bố/xác nhận | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - SV xác định chủ đề của đoạn văn bản hoặc đặt tên cho một chủ đề | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1.  G2.2  G4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **8 (2 tiết)** | **Chương 3. Cấu trúc lập luận và tìm hiểu luận chứng**  3.6 Thảo luận và bài tập | - Tranh luận: GV đưa ra chủ đề thảo luận  - Sinh viên thực hiện các chủ đề theo sự hướng dẫn của giảng viên | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1.  G2.2  G4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| **9 (2 tiết)** | **Chương 4. Ngôn ngữ trong viết luận**  4.1 Kỹ năng viết logic, thuyết phục/có tính phản biện  4.2 Bài viết mô tả  4.3 Sự khác nhau giữa bài viết mô tả và bài viết phân tích logic/có phản biện | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Giảng viên chia nhóm và yêu cầu thực hiện bài thu hoạch nhóm theo chủ đề  - Các nhóm thảo luận về tính logic trong lập luận của bài viết | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở giáo trình chính | G1.1; G1.2  G1.3; G2.1  G2.2; G2.3  G2.4; G3.1  G3.2; G3.3  G4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| **10 (2 tiết)** | **Chương 4. Ngôn ngữ trong viết luận**  4.4. Viết luận văn/ đồ án/project | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - SV thực hành viết mục tiêu, yêu cầu, phương pháp nghiên cứu của một chủ đề cho trước theo yêu cầu của GV | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1; G1.2  G1.3; G2.1  G2.2; G2.3  G2.4; G3.1  G3.2; G3.3  G4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| **11(2 tiết)** | **Chương 4. Ngôn ngữ trong viết luận**  4.5 Bài tập | - Tranh luận: GV đưa ra chủ đề đã được yêu cầu ở tuần 9  - Các nhóm sinh viên trình bày bài thu hoạch nhóm theo chủ đề (trình chiếu bằng slide và thuyết trình, sử dụng công cụ hỗ trợ) | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1; G1.2  G1.3; G2.1  G2.2; G2.3  G2.4; G3.1  G3.2; G3.3  G4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| **12(2 tiết)** | **Chương 5: Các vấn đề kỹ thuật và giải pháp**  5.1. Thách thức đối với người kỹ sư  5.2. Tiếp cận vấn đề và giải pháp | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Giảng viên nêu vấn đề về những thách thức đối với người kỹ sư trong bối cảnh khoa học kỹ thuật phát triển | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3; G4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| **13(2 tiết)** | **Chương 5. Các vấn đề kỹ thuật và giải pháp**  5.2. Tiếp cận vấn đề và giải pháp | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3; G4.1 |  |
| **14(2 tiết)** | **Chương 5. Các vấn đề kỹ thuật và giải pháp**  5.3. Tư duy phản biện trong giải quyết vấn đề  5.4. Thảo luận | - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide  - Thảo luận về cách áp dụng tư duy phản biện trong giải quyết vấn đề kỹ thuật phức tạp | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.1; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3; G4.1 |  |
| **15 (2 tiết)** | **Chương 5. Các vấn đề kỹ thuật và giải pháp**  5.4. Thảo luận | - Tranh luận: GV đưa ra chủ đề tranh luận  - Thảo luận về cách áp dụng tư duy phản biện trong giải quyết vấn đề kỹ thuật phức tạp | - Sinh viên đọc trước các nội dung ở Giáo trình chính | G1.2; G2.3; G3.3; G4.2 | A1.1  A1.2  A2 |

**7. Nguồn học liệu** *(các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,…)*

***Giáo trình***

[1]. Lectures Slide, Critical thinking and Writing, Vinh University

[2] Brooke Noel Moore, Richard Parker, *Critical Thinking*. McGraw Hill, 2000

**8. Quy định của môn học.**

Dự lớp theo đúng quy chế;

Thực hiện các bài tập trên lớp và tự học theo phân công của Giảng viên;

Thực hiện đầy đủ các bài đánh giá.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Điện tử Viễn thông, Viện Kỹ thuật và Công nghệ

- Địa chỉ/Email: Tầng 1 nhà A0, Đại học Vinh

SẢN PHẨM 3 (Slide tóm tắt bài giảng)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ  BỘ MÔN: Điện tử Viễn thông | **BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN CÂU HỎI THI HỌC PHẦN**  **(THI TRẮC NGHIỆM GIỮA KỲ)** |

Tên học phần: **Kỹ năng viết và tư duy phản biện**

Mã học phần: ELE20003 Số tín chỉ: 3

Dùng cho ngành: Các ngành kỹ thuật và công nghệ

**1. Ma trận câu hỏi theo mục tiêu đánh giá**

| **Nội dung** | **Cấp độ câu hỏi** | **Mục tiêu đánh giá** | **Tổng số câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện**  Tư duy phản biện là gì | Biết/nhớ | Nhớ được khái niệm tư duy phản biện | 4 |
| Hiểu | Hiểu được bản chất của tư duy phản biện | 4 |
| Vận dụng | Vận dụng tư duy phản biện trong đánh giá vấn đề | 3 |
| Các sai lầm cơ bản trong đào tạo kỹ sư | Biết/nhớ | Nhận biết được các sai lầm cơ bản trong đào tạo kỹ sư | 4 |
| Hiểu | Hiểu được vị trí và vai trò của tư duy phản biện và kỹ năng viết trong kỹ thuật | 4 |
| **Chương 2. Nghiên cứu và trích dẫn**  Vai trò của nghiên cứu trong cộng đồng học thuật và sự hỗ trợ thông tin nghiên cứu khi viết bài báo, báo cáo | Biết/nhớ | Nhận biết được vai trò của nghiên cứu trong cộng đồng học thuật | 2 |
| Hiểu | Các phương pháp hỗ trợ thông tin nghiên cứu | 2 |
| Thế nào là đạo văn | Biết/nhớ | Nhận biết được các hành vi đạo văn | 2 |
| Hiểu | Hiểu được các hành vi đạo văn | 1 |
| Đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin | Hiểu | Hiểu được độ tin cậy của nguồn thông tin | 2 |
| Vận dụng | Vận dụng trong việc tìm kiếm nguồn thông tin tin cậy bổ trợ cho nghiên cứu hoặc bài viết, báo cáo | 1 |
| Cách trích dẫn chính xác | Biết/nhớ | Nhận biết được các hành vi đạo văn | 2 |
| Hiểu | Hiểu được cách tìm kiếm thông tin tin cậy và trích dẫn chính xác | 3 |
| Vận dụng | Vận dụng trong việc tìm kiếm nguồn thông tin tin cậy bổ trợ cho nghiên cứu hoặc bài viết, báo cáo và trích dẫn chúng một cách chính xác | 8 |
| **Chương 3. Cấu trúc lập luận và tìm hiểu luận chứng**  Ngụy biện là gì, các lỗi ngụy biện | Biết/nhớ | Biết thế nào là sự ngụy biện, các lỗi ngụy biện | 2 |
| Hiểu | Hiểu sự ngụy biện trong lập luận nói và viết | 2 |
| Vận dụng | Vận dụng kiến thức để xác định lỗi ngụy biện trong lập luận | 4 |
| Giả định và tuyên bố  Diễn giải lập luận trong  ngôn ngữ nói và viết | Biết/nhớ | Khái niệm tuyên bố, giả định và các yếu tố xác định tuyên bố | 6 |
| Hiểu | Hiểu cách diễn giải lập luận trong ngôn ngữ nói và viết | 8 |
| Vận dụng | Hiểu được các yếu tố hỗ trợ tuyên bố | 5 |
| Các bước thực hành đọc và ghi nhận thông tin tích cực | Biết/nhớ | Các bước thực hành đọc và ghi nhận thông tin | 3 |
| Hiểu | Hiểu cách đọc văn bản một cách tích cực | 3 |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **VIỆN KỸ THUẬT & CÔNG NGHỆ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  ----------🙢🟁🙠---------- |

**MA TRẬN CÂU HỎI THI**

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN

**Ngành đào tạo: CÁC NGÀNH KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ**

* Số tín chỉ : 03 - Mỗi đề thi: 30 câu
* Số câu hỏi: 75 - Thời gian làm bài: 35 phút

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Nội**  **dung môn học** | **Biết/Nhớ**  **(1)** | **Hiểu**  **(2)** | **Vận dụng**  **(3)** |
| **Chương 1** | G1.1, G2.2 | G1.1, G2.2 | G1.1, G2.2 |
| *Số câu: 19*  *Tỉ lệ %: 25,33* | *Số câu: 8* | *Số câu: 8* | *Số câu: 3* |
| **Chương 2** | G1.2 | G1.2; G1.3; G2.1 | G1.2; G1.3; G2.1 |
| *Số câu: 23*  *Tỉ lệ %: 30,7 %* | *Số câu: 6* | *Số câu: 8* | *Số câu: 9* |
| **Chương 3** | G1.1; G2.2 | G2.2;G4.1 | G2.2;G4.1 |
| *Số câu: 33*  *Tỉ lệ %: 44%* | *Số câu: 11* | *Số câu: 13* | *Số câu: 9* |
| **Tổng số câu: 75**  **Tỉ lệ %: 100%** | **Số câu: 25**  **Tỉ lệ 33.3%** | **Số câu: 29**  **Tỉ lệ 38.7%** | **Số câu: 21**  **Tỉ lệ 28%** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  VIỆN: KT&CN  BỘ MÔN: ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG | **NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI HỌC PHẦN**  **(THI TNKQ GIỮA KỲ)** |

Tên học phần: **Kỹ năng viết và tư duy phản biện**

Mã học phần: ELE20003 Số tín chỉ: 3

Dùng cho ngành: 1. Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử; 2. Kỹ thuật Điện tử viễn thông; 3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; 4. Kỹ thuật xây dựng; 5. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; 6. Kỹ thuật công trình thủy; 7. Công nghệ thực phẩm; 8. Công nghệ kỹ thuật hóa học; 9. Công nghệ thông tin

| **TC** | **Mức độ** | **Số lượng** | **Chủ đề** | **Từ câu….đến câu…..** | **Số câu hỏi thi giữa kỳ- Chuẩn đầu ra** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TC1 | 1 | 25 | 1.1 | Câu 1,2,3,4,10,11 | 3 | G1.1; G2.2 |
| 1.3 | 12,13 | 1 | G1.1,G2.2 |
| 2.1 | 20,21,22,23 | 2 | G1.2 |
| 2.2 | 35,36 | 1 | G1.2 |
| 3.2 | 45,51,52,63,64 | 2 | G1.1; G2.2 |
| 3.6 | 70,71,72,73,74,75 | 2 | G1.1; G2.2 |
| 2 | 29 | 1.1 | 5,6,7,8,9 | 2 | G1.1, G2.2 |
| 1.3 | 14,15,16, | 1 | G1.1, G2.2 |
| 2.4 | 34,35,36,37,38,39,40,41 | 4 | G1.2; G1.3; G2.1 |
| 3.1 | 43,44, | 1 | G2.2;G4.1 |
| 3.3 | 60,61,62,65,66,67,68,69 | 2 | G2.2;G4.1 |
| 3.5 | 53,54,55 | 1 | G2.2;G4.1 |
| 3 | 21 | 1.3 | 17,18,19 | 1 | G1.1,G2.2 |
| 2.5 | 24,25,26,27,28,29,31,32,33 | 3 | G1.2; G1.3; G2.1 |
| 3.1 | 46,47,48,49,50,56,57,58,59 | 4 | G2.2;G4.1 |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯  VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ  BỘ MÔN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG | **BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN** |

Tên học phần: Kỹ năng viết và tư duy phản biện

Mã học phần: **ELE20003** Số tín chỉ: 3

Dùng cho ngành: Các ngành kỹ thuật công nghệ   
Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm; làm bài tập tình huống trên lớp

**1. Loại bài tập 1:** Làm bài tập tình huống của nhóm ngay tại lớp học (10%)

**+ Kế hoạch đánh giá:** Tuần 5; 8

**Phương pháp đánh giá:** Giảng viên giao bài tập tình huống cho sinh viên ở tuần 3, tuần 5. Các nhóm sinh viên chuẩn trả lời bằng các công cụ như sơ đồ tư duy trên giấy và sau đó thuyết trình nhanh 5 phút, trả lời các câu hỏi vấn đáp của giảng viên và nhóm khác 5 phút. Tiến hành trả lời câu hỏi và đánh giá kết quả ở tuần 3; 5

| **Mức độ**  **Tiêu chí đánh giá  Chuẩn đầu ra được đánh giá** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tiêu chí 1:* **Hình thức**  **CĐR:G1.3; G1.4;** G2.1; G2.2; G3.1; G3.3 | Có trình bày nội dung câu hỏi trên giấy | Nội dung trình bày thể hiện được trọng tâm báo cáo | Nội dung chi tiết, sử dụng được các công cụ như sơ đồ tư duy để thể hiện nội dung. Có bổ sung các hình ảnh minh họa đa dạng phong phú | 2 |
| Tiêu chí 2:**Nội dung**  CĐR: **G1.3; G1.4;** G2.1; G2.2; G3.1; G3.3 | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình chi tiết rõ ràng | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình chi tiết rõ ràng, nội dung bám sát đầy đủ các yêu cầu | 4 |
| Tiêu chí 3: Trả lời câu hỏi  CĐR: G1.3; G1.4; G2.1; G2.2; G3.1; G3.3 | Trả lời đúng trọng tâm các câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên | Trả lời đúng trọng tâm, chính xác các câu hỏi của nhóm khác và của giảng viên | Trả lời tốt các câu hỏi, có phân tích được các câu hỏi của nhóm khác và của giảng viên | 4 |

1. **Loại bài tập:** Thuyết trình nhóm (10%)

* **Kế hoạch đánh giá:** tuần 11;15
* **Phương pháp đánh giá:** Giảng viên giao bài tập nhóm cho sinh viên ở tuần 8 và tuần 9, Sinh viên chuẩn bị bằng Slide theo nhóm. Tiến hành thuyết trình và đánh giá kết quả ở tuần 11, tuần 15

| **Mức độ**  **Tiêu chí**  **Chuẩn đầu ra được đánh giá** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí 1*:* **Hình thức**  **CĐR:** G1.3; G1.4 G2.2; G4.1; G3.3 | Có Slide thiết kế thể hiện được nội dung báo cáo. | Có Slide thiết kế thể hiện được nội dung báo cáo. Các hình ảnh minh họa đa dạng phong phú | Slide thiết kế đẹp, sinh động, kết cấu hợp lý thể hiện được nội dung báo cáo. Các hình ảnh minh họa đa dạng phong phú | 2 |
| Tiêu chí 2:**Thuyết trình**  CĐR: G1.3; G1.4 G2.2; G4.1; G3.3 | Có thực hiện thuyết trình | Thuyết trình đúng thời gian. Cách thuyết trình thu hút, rõ ràng, sử dụng được cả ngôn ngữ phi hình thể. | Thuyết trình đúng thời gian. Cách thuyết trình thu hút, rõ ràng, sử dụng được cả ngôn ngữ phi hình thể. Cách di chuyển hợp lý và không phụ thuộc vào slile. | 2 |
| Tiêu chí 3:**Nội dung**  CĐR: G1.3; G1.4 G2.2; G4.1; G3.3 | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình chi tiết rõ ràng | Thể hiện được nội dung cần thuyết trình chi tiết rõ ràng, nội dung bám sát đầy đủ các yêu cầu. | 4 |
| Tiêu chí 4: **Trả lời câu hỏi**  CĐR: G1.3; G1.4 G2.2; G4.1; G3.3 | Trả lời câu hỏi chưa đầy đủ các câu hỏi của các nhóm bạn và của giảng viên | Trả lời câu hỏi được các ý cơ bản các câu hỏi của các nhóm bạn và của giảng viên | Trả lời tốt các câu hỏi, có phân tích được các câu hỏi của các nhóm bạn và của giảng viên | 2 |

1. **Đánh giá đồ án (Cuối kỳ 50%)**

**a. Các tiêu chí đánh giá và chuẩn đầu ra được đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí và**  **Chuẩn đầu ra được đánh giá** | **Mức 1**  **(Biết)** | **Mức 2**  **(Hiểu)** | **Mức 3**  **(Áp dụng)** | **Điểm** |
| **Tiêu chí 1:** Thực hiện giải quyết vấn đề bằng tư duy phản biện; lập luận, phân tích và trình bày quan điểm một cách hiệu quả.  G1.1, G1.2, G1.3, G2.2, G2.4, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1 | 0 | 2.0 | 4.0 | 6.0 |
| **Tiêu chí 2: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả**  G3.1, G3.2, G3.3, G4.1 | 0 | 2.0 | 2.0 | 4.0 |

**b. Bộ tiêu chí đánh giá**

**Tiêu chí 1.** Thực hiện giải quyết vấn đề bằng tư duy phản biện; lập luận, phân tích và trình bày quan điểm một cách hiệu quả **(60%):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | **THANG ĐIỂM**(100) |
| 1 | Nắm vững mục tiêu và yêu cầu | 40 |
| 1.1 | Trình bày rõ ràng hướng nghiên cứu | 20 |
| 1.2 | Trình bày rõ ràng các yêu cầu, phương pháp tiếp cận | 20 |
| **2** | Lập luận, phân tích và trình bày quan điểm hiệu quả | 60 |
| 2.1 | Lập luận và phân tích sắc bén | 30 |
| 2.2 | Các lập luận và dẫn chứng thuyết phục | 30 |

**2.2. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả (40%):**

a. Kỹ năng làm việc nhóm: theo kết quả đánh giá của các thành viên trong nhóm và của giảng viên hướng dẫn (10%):

- Bảng đánh giá của các thành viên trong nhóm:

| **TT** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **THANG ĐIỂM**  **(100)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Tham gia các buổi họp nhóm** | **15** |
| - | Tham dự đầy đủ | 15 |
| - | Có vắng một buổi | 10 |
| - | Chỉ tham dự một vài buổi | 05 |
| - | Không tham dự buổi nào | 0 |
| **2** | **Tham gia đóng góp ý kiến** | **15** |
| - | Tích cực | 15 |
| - | Thường xuyên | 10 |
| - | Thỉnh thoảng | 05 |
| - | Không bao giờ | 0 |
| **3** | **Hoàn thành công việc của nhóm giao đúng hạn** | **20** |
| - | Luôn luôn hoàn thành đúng hạn | 20 |
| - | Có một lần không đúng hạn | 15 |
| - | Thỉnh thoảng | 10 |
| - | Không bao giờ | 0 |
| **4** | **Hoàn thành công việc của nhóm có chất lượng** | **20** |
| - | Luôn luôn | 20 |
| - | Có một lần không đạt yêu cầu | 15 |
| - | Thỉnh thoảng | 10 |
| - | Không bao giờ | 0 |
| **5** | **Có ý tưởng mới hay, sáng tạo đóng góp cho nhóm** | **15** |
| - | Tích cực | 15 |
| - | Thỉnh thoảng | 10 |
| - | Không bao giờ | 0 |
| **6** | **Hợp tác với các thành viên khác trong nhóm** | **15** |
| - | Tốt | 15 |
| - | Bình thường | 10 |
| - | Không được tốt | 5 |

b. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả (30%):

- Bảng đánh giá kỹ năng giao tiếp bằng văn bản (10%): dựa trên bản báo cáo kết quả thực hiện đồ án.

| **TT** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **THANG ĐIỂM**  **(100)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Trình bày nội dung báo cáo theo format chuẩn, rõ ràng. | 50 |
| 2 | Trình bày rõ ràng, có đầy đủ các lời giải thích. | 50 |

- Bảng đánh giá kỹ năng giao tiếp bằng bằng đa phương tiện (10%): dựa trên quá trình thực hiện làm việc nhóm, các công cụ giao tiếp trực tuyến.

| **TT** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **THANG ĐIỂM**  **(100)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Tạo dự án | 20 |
| 2 | Phân chia nhiệm vụ cho các thành viên | 20 |
| 3 | Thể hiện rõ tương tác của các thành viên | 40 |
| 4 | Thực hiện trao đổi trong quá trình thực hiện đồ án bằng các công cụ giao tiếp tiếp trực tuyến. | 20 |

- Bảng đánh giá kỹ năng thuyết trình (10%):

| **TT** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **THANG ĐIỂM**  **(100)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Nội dung trình bày** | **30** |
| 1.1 | Nội dung trình bày đầy đủ. | 15 |
| 1.2 | Nội dung có minh họa đầy đủ khi trình chiếu. | 05 |
| 1.3 | Có liên hệ thực tế. | 10 |
| **2** | **Hình thức trình bày** | **20** |
| 2.1 | Bố cục hợp lí, rõ ràng, dễ theo dõi. | 15 |
| 2.3 | Sử dụng hình ảnh, biểu đồ, clip hấp dẫn, thu hút. | 05 |
| **3** | **Hoạt động thuyết trình** | **50** |
| 3.1 | Nhóm thuyết trình nắm vững nội dung, phong cách thuyết trình tự tin, linh hoạt, cuốn hút, ... | 20 |
| 3.2 | Trình chiếu slide suôn sẻ, nhóm thuyết trình có sự phối hợp trong thuyết trình và trả lời | 10 |
| 3.3 | Làm sáng tỏ được vấn đề | 10 |
| 3.4 | Trả lời tốt các câu hỏi | 05 |
| 3.5 | Đúng thời gian quy định | 05 |